

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
NĂM 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ và trang thông tin điện tử

1.1.1. Tên trường

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: Hanoi Architectural University (viết tắt là HAU).
- Đơn vị trực tiếp đào tạo các chương trình liên kết đào tạo quốc tế: Viện Đào tạo & Hợp tác Quốc tế (viết tắt là IITC).

1.1.2. Sứ mệnh

Đảm nhiệm công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ đại học và sau đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, mỹ thuật công nghiệp, xây dựng, vật liệu xây dựng, kỹ thuật hạ tầng và môi trường đô thị, quản lý đô thị, công nghệ thông tin,...

Là trung tâm hàng đầu về nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, trung tâm thiết kế, sáng tạo, phát triển nghệ thuật ứng dụng.

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đào tạo, khoa học công nghệ và sáng tạo nghệ thuật có chất lượng cao phục vụ yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong kỷ nguyên phát triển công nghệ 4.0, hướng tới hội nhập quốc tế.

1.1.3. Đơn vị đào tạo các chương trình liên kết đào tạo quốc tế

Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội được trực tiếp đào tạo tại Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế. Viện có nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế dựa trên nền tảng khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ, góp phần cung cấp nguồn nhân lực và các sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao.

Viện Đào tạo & Hợp tác quốc tế tự hào là đơn vị tiên phong trong đào tạo đại học và sau đại học bằng ngoại ngữ (tiếng Anh và tiếng Pháp). Hiện nay Viện đang tổ chức đào tạo 06 chương trình liên kết quốc tế: 03 chương trình bậc Đại học (02 tiếng Anh, 01 tiếng Pháp), 02 chương trình bậc Thạc sỹ (tiếng Pháp), 01 chương trình Tiến sỹ (tiếng Pháp).

Đội ngũ giảng viên của Viện Đào tạo & Hợp tác Quốc tế được đào tạo tại các Trường đại học danh tiếng trên thế giới. Bên cạnh đó, Viện có đội ngũ giảng viên nước ngoài, với sự tham gia của các chuyên gia, các học giả quốc tế tại các tổ chức uy tín. Giảng viên của

Viện cũng tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại nhiều quốc gia (Mỹ, Ý, Pháp, Thái Lan, Lào...). Các giảng viên và sinh viên nước ngoài đang tham gia giảng dạy và học tập tại Viện đã góp phần tạo dựng một môi trường đào tạo và nghiên cứu đa quốc gia, đa văn hóa.

1.1.4. Địa chỉ các trụ sở của Trường

Trụ sở chính: Km10, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Cơ sở Vĩnh Phúc thuộc Trường: Số 24 Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.1.5. Trang thông tin điện tử

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội: <http://hau.edu.vn>

Viện Đào tạo & HTQT: <https://hau-iitc.edu.vn>

1.2. Quy mô đào tạo các chương trình liên kết đào tạo quốc tế

Bảng 1. Quy mô đào tạo các chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

TT	Loại chỉ tiêu	Quy mô	Tổng
	Chính quy		
1	Sau đại học		
1.1	Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)		Bắt đầu tuyển sinh năm học 2022 - 2023
2	Đại học		
2.1	Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)	70	70
2.2	Cử nhân Kiến trúc nội thất	07	07

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn.
- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

1.3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Bảng 2. Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành liên kết đào tạo quốc tế trong 2 năm gần nhất

TT	Nhóm ngành/Ngành	Năm tuyển sinh 2020		Năm tuyển sinh 2021	
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Chỉ tiêu	Số TS nhập học
1	Thạc sĩ				
1.1	Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)	20		20	
2	Đại học				
2.1	Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)	50	19	50	25
2.2	Cử nhân Kiến trúc nội thất			25	7

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

2.1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất: 36.681,14 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học: 58.316 m².
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 632 chỗ.

Bảng 3. Thống kê diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	189	15.223
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	1.100
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	2.675
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	51	5.466
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	59	3.098
1.5	Số phòng học đa phương tiện	22	1.156
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	48	1.728
2	Thư viện, trung tâm học liệu	02	2.075
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	91	11.615
	Tổng	291	28.913

2.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Bảng 4. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

	Tên	Danh mục trang thiết bị chính (Tên và số lượng)	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng thực hành tin học: 06 phòng	- Máy tính: 240 - Máy chiếu: 06 - Màn chiếu: 06	- Toàn trường

2	Phòng thực hành đào tạo khối ngành V	<ul style="list-style-type: none"> - Máy chạm khắc laser: 02 - Máy cắt khắc 3 chiều CNC: 02 - Máy cắt đề can vi tính: 01 - Camera vật thể: 07 - Máy cưa bào khoan gỗ đa năng: 01 - Máy in khổ A0: 02 - Máy in 3D chuyên dụng: 01 - Máy quét 3D cầm tay: 01 - Máy in Laser màu khổ A3: 02 - Máy quay video chuyên dụng: 02 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Thiết kế đồ hoạ - Ngành Thiết kế thời trang - Ngành Điều khắc
3	Phòng thực hành trắc địa	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kinh vĩ điện tử : 06 - Máy thủy chuẩn: 05 - Máy toàn đạc điện tử: 01 - Máy thủy bình chính xác: 01 - Máy kinh vĩ quang học: 01 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn trường
4	Phòng thí nghiệm		
4.1	Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đo biến dạng nhiều kênh DMD-22: 01 - Máy thí nghiệm nén/uốn mẫu xi măng control 50kN: 01 - Bộ dụng cụ Vicat-Control: 01 - Bộ sàng cát sỏi tiêu chuẩn ISO 3310: 01 - Tủ dưỡng hồ xi măng, nhiệt độ và độ ẩm tiêu chuẩn: 01 - Máy trộn bê tông: 01 - Cân thủy tĩnh: 01 - Máy siêu âm bê tông: 01 - Súng bật nảy bê tông: 01 - Thiết bị xác định chiều dày lớp phủ bê tông: 01 - Thiết bị phkn tích ăn mòn trong cốt thép: 01 - Thiết bị đo độ võng, chuyển vị: 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị. - Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.

		<p>01</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị đo dung lượng nước phục vụ thí nghiệm thử tải: 01 - Bộ dụng cụ kiểm tra độ lún/độ đặc của bê tông: 01 - Máy đo hàm lượng bọt khí bê tông: 01 	
4.2	Phòng thí nghiệm kết cấu công trình	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kéo vạn năng 1000 KN: 01 - Máy nén thủy lực 3000 KN: 01 - Hệ thống tạo lực bằng thủy lực cho thí nghiệm tĩnh và động: 01 - Cầu trục 10 tấn: 01 - Máy thí nghiệm va đập: 01 - Máy siêu âm bê tông TICO (thang đo: 15-6550US): 01 - Kích thủy lực 250 KN: 01 - Hệ thống chia kênh, Hệ thống làm lạnh tuần hoàn: 01 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành kỹ thuật xây dựng - Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.

4.3	Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm xác định sức kháng cắt của đất: 01 - Thiết bị thí nghiệm các chỉ tiêu vật lý và trạng thái của đất: 01 - Thiết bị thí nghiệm cố kết: 01 - Thiết bị thí nghiệm thấm và đầm chặt đất: 01 - Đầm tự động Proctor: 01 - Máy khoan lấy mẫu đất: 01 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị. - Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.
4.4	Trung tâm nghiên cứu môi trường và năng lượng - Viện Kiến trúc Nhiệt đới	<ul style="list-style-type: none"> - Máy phkn tích Ion nước: 01 - Máy đo nhiệt độ bề mặt: 01 - Thiết bị đo bức xạ mặt trời (tổng xạ và trực xạ): 01 - Máy đo khí phát thải VOC và hydrocacbon: 01 - Dụng cụ đo công suất cầm tay HITESTER: 01 - Thiết bị đo khí Testo: 01 - Thiết bị ghi dữ liệu tiêu thụ điện (Dent Instrument/Mỹ): 01 - Thiết bị cầm tay đo lưu lượng bằng siêu âm (do lưu lượng chất lỏng trong ống kín): 01 - Thiết bị đo tốc độ động cơ: 01 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Kỹ thuật xây dựng - Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.

4.5	Phòng thí nghiệm hóa vi sinh, nước	<ul style="list-style-type: none"> - Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AANALYST300: 01 - Máy quang phổ tử ngoại phổ biến: 01 - Máy nén khí hút chân không: 01 - Bơm nhu động định lượng: 01 - Thiết bị đo nước đa chỉ tiêu - TOA-WQC-22A: 01 - Thiết bị đo khí thải từ ống khói IMB-2800: 01 - Thiết bị đo và điều khiển PH (Kobold) dải đo 1-14: 01 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Ngành Xây dựng công trình ngầm đô thị. - Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng.
-----	------------------------------------	---	--

2.1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Bảng 5. Thống kê về học liệu trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Lĩnh vực nghệ thuật	2.211
2	Lĩnh vực kiến trúc và xây dựng, lĩnh vực công nghệ kỹ thuật, lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	145.003

2.1.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình liên kết đào tạo quốc tế

Bảng 6. Danh sách giảng viên Việt Nam

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Ngành	
					Mã	Tên ngành
1	Lê Chiến Thắng	Nam		Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc
2	Nguyễn Thái Huyền	Nữ		Tiến sĩ	7580102	Kiến trúc
3	Trần Hải Nam	Nam		Tiến sĩ	7580102	Kiến trúc
4	Nguyễn Minh Nhất	Nam		Tiến sĩ	7580302	Kỹ thuật Kiến trúc
5	Hà Duy Anh	Nam		Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc
6	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc

7	Vương Khánh Toàn	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc
8	Nguyễn Minh Phương	Nam		Thạc sĩ	7310301	Quy hoạch
9	Hoàng Việt Dũng	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc
10	Đặng Ngọc Anh	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc
11	Đặng Tố Anh	Nữ		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc
12	Phạm Như Quỳnh	Nữ		Thạc sĩ	7580302	Quản lý xây dựng
13	Nguyễn Vũ Bảo Minh	Nữ		Thạc sĩ	7580106	Quản lý đô thị
Tổng số giảng viên: 13 giảng viên						

Bảng 7. Danh sách giảng viên nước ngoài

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Ngành		Đơn vị
					Mã ngành	Tên ngành	
1	Alex Ortega	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội
2	Alexandre Moisset	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KT&CQQG Bordeaux (Pháp)
3	Eytan Fichman	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội
4	Frédéric Bonneaud	Nam		Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KTQG Toulouse (Pháp)
5	Helga Scarwell	Nữ	Giáo sư	Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH Lille (Pháp)
6	Jean-Francois Marti	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	ĐH KTQG Trường Toulouse (Pháp)
7	Laurent Protois	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	ĐH KTQG Trường Normandie (Pháp)
8	Luc Perrot	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KTQG Normandie (Pháp)
9	Maria Kim	Nữ		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội

10	Nicola Desiderio	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội
11	Sophie Cambrillat	Nữ		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KTQG Normandie (Pháp)
12	Sylvie Dumons	Nữ		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KTQG Toulouse (Pháp)
13	Tobias Campioni	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội
14	Vincent Tricaud	Nam		Thạc sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KT&CQQG Bordeaux (Pháp)
15	Bernard Davasse	Nam		Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KT&CQQG Bordeaux (Pháp)
16	Pierre Fernandez	Nam		Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KTQG Toulouse (Pháp)
17	Douchan Palacios	Nam		Tiến sĩ	7580101	Kiến trúc	Trường ĐH KTQG Toulouse (Pháp)
Tổng số giảng viên: 17 giảng viên							

III. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH NĂM 2022

3.1. Đối tượng

- (1) Người Việt Nam hoặc người nước ngoài đáp ứng được các điều kiện dự tuyển.
- (2) Sinh viên của trường đối tác gửi sang học tập tại chương trình.

3.2. Điều kiện dự tuyển

3.2.1. Chương trình Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)

Người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kiến trúc, Quy hoạch, Kiến trúc Cảnh quan hoặc tương đương, có trình độ tiếng Pháp đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương và đáp ứng các yêu cầu tuyển chọn của Chương trình liên kết đào tạo.

3.2.2. Chương trình Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)

Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận tương đương.

Trình độ ngoại ngữ của sinh viên khi bắt đầu học giai đoạn 2 của chương trình phải đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương và đáp ứng các yêu cầu tuyển chọn của Chương trình liên kết đào tạo.

3.2.3 Chương trình Cử nhân Kiến trúc Nội thất

Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

Trình độ ngoại ngữ của sinh viên khi bắt đầu học giai đoạn 2 của chương trình phải đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương và đáp ứng các yêu cầu tuyển chọn của Chương trình liên kết đào tạo.

3.3. Phương thức tuyển sinh

3.3.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT và quy định riêng của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (chi tiết tại mục 3.7).

3.3.2. Xét tuyển

a. Chương trình Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)

Các ứng viên đã đáp ứng các điều kiện dự tuyển theo yêu cầu nêu trên sẽ tham gia đợt phỏng vấn tuyển sinh do hai trường tổ chức. Việc đánh giá các ứng viên sẽ dựa vào các yếu tố như: Thành tích, năng lực học tập, trình độ ngoại ngữ, kinh nghiệm và năng lực công tác, thành tích nghiên cứu, mức độ cam kết và sẵn sàng cho chương trình học.

b. Chương trình Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)

- Xét kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn.
- Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp tại Viện Đào tạo & HTQT, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

c. Chương trình Kiến trúc Nội thất

- Xét kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn.
- Hình thức phỏng vấn: Trực tiếp tại Viện Đào tạo & HTQT, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022

3.4.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Bảng 8. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Tên ngành	Số quyết định	ngày tháng năm ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép
1	Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)	1971/QĐ-BGDĐT	15 tháng 7 năm 2020	Bộ Giáo dục & Đào tạo
2	Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)	1970/QĐ-BGDĐT	15 tháng 7 năm 2020	Bộ Giáo dục & Đào tạo
3	Cử nhân Kiến trúc Nội thất	2491/QĐ-BGDĐT	21 tháng 9 năm 2021	Bộ Giáo dục & Đào tạo

3.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022

Bảng 9. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022

TT	Trình độ đào tạo	Ngành học	Chỉ tiêu
Nhóm ngành Kiến trúc			
1	Thạc sĩ	Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)	20
2	Đại học	Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)	50
Nhóm ngành nội thất			
3	Đại học	Cử nhân Kiến trúc Nội thất	25

3. 5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

Nhà trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <http://www.hau.edu.vn> và trên trang thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hau.edu.vn> trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày.

3. 6. Tổ chức tuyển sinh

3.6.1. Thời gian xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh đợt 1:
 - o Thời gian xét tuyển chung thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - o Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Từ ngày 26/5/2022 đến hết ngày 31/12/2022.
- Thời gian tuyển sinh đợt bổ sung (nếu có): Theo thông báo của Nhà trường sau khi có kết quả tuyển sinh đợt 1.

3.6.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.

Địa chỉ bán và nhận hồ sơ trực tiếp

- *Chương trình Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA) và Chương trình Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA):* Tầng 3, Nhà I, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, SĐT liên hệ: 0965 698 899.
- *Chương trình Cử nhân Kiến trúc Nội thất:* Tầng 2, Nhà I, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, SĐT liên hệ: 0986 666 643.

3.7. Chính sách ưu tiên

3.7.1. Chính sách ưu tiên

Theo đối tượng và ưu tiên tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

3.7.2. Đối tượng được xét tuyển thẳng

- (1) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
- (2) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng
- (3) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
- (4) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba các cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trở lên các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ Văn, Tin học, Anh văn, Pháp văn; thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong các kì thi cấp quốc gia các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ Văn, Tin học, Anh văn, Pháp văn. Thí sinh thuộc các đối tượng này phải tốt nghiệp THPT năm 2022 và có học lực 3 năm THPT được xếp loại Khá trở lên.
- (5) Thí sinh có học lực cả 3 năm THPT được xếp loại giỏi trở lên và tốt nghiệp THPT năm 2022.

3.7.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

Đối tượng ưu tiên xét tuyển được cộng điểm ưu tiên xét tuyển vào tổng điểm xét tuyển của ngành do Chủ tịch HĐTS quyết định (chỉ được cộng 1 lần cho mỗi thí sinh) như sau:

- Thí sinh thuộc các đối tượng xét tuyển thẳng (1), (2), (3) tại điểm 3.7.2 mục này nếu không dùng quyền xét tuyển thẳng thì điểm ưu tiên xét tuyển được quy định như sau: Giải nhất được cộng 2,0 điểm; giải nhì được cộng 1,5 điểm; giải ba được cộng 1,0 điểm;
- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được cộng 0,5 điểm;
- Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật được cộng 0,5 điểm; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- Các trường hợp khác do Chủ tịch HĐTS quyết định mức cộng điểm, nhưng mức cộng không quá 2,0 điểm.

3.7.4. Một số chính sách khuyến khích người học

a. Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)

- Sinh viên được nhận văn bằng do Chính phủ Pháp cấp.
- Sinh viên được tham gia học tập trao đổi tại các trường Đại học Kiến trúc quốc gia Pháp trong chương trình học theo thỏa thuận hợp tác.
- Sinh viên được tham gia các khóa học bổ trợ về chuyên môn và ngoại ngữ.
- Sinh viên được tham gia các cuộc thi trong nước, quốc tế về kiến trúc và các chương trình ngoại khóa, workshop về kiến trúc trong chương trình học.
- Sinh viên có cơ hội nhận được học bổng toàn phần của Chính phủ Pháp để du học tại Pháp.
- Sinh viên được học liên thông lên chương trình Tiến sĩ kiến trúc đồng hướng dẫn trong hệ thống chương trình Cử nhân- Thạc sĩ- Tiến sĩ do Chính phủ Pháp cấp bằng.

b. Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)

- Sinh viên được nhận văn bằng do Chính phủ Pháp cấp.
- Sinh viên được tham gia học tập trao đổi tại các Trường Đại học Kiến trúc quốc gia Pháp trong chương trình học.
- Sinh viên được tham gia các khóa học bổ trợ về chuyên môn và ngoại ngữ.
- Sinh viên được tham gia các cuộc thi trong nước, quốc tế về kiến trúc và các chương trình ngoại khóa, workshop về kiến trúc trong chương trình học.
- Sinh viên có cơ hội nhận được học bổng toàn phần của Chính phủ Pháp để du học tại Pháp.
- Sinh viên được học liên thông lên chương trình Thạc sĩ kiến trúc trong hệ thống chương trình Cử nhân- Thạc sĩ- Tiến sĩ do Chính phủ Pháp cấp bằng.

c. Cử nhân Kiến trúc Nội thất

- Sinh viên được nhận văn bằng do Đại học Curtin (Úc) cấp.
- Sinh viên tốt nghiệp đủ điều kiện đăng ký thành viên của Viện thiết kế quốc gia Úc.
- Sinh viên được tham gia các cuộc thi trong nước, quốc tế về kiến trúc và các chương trình ngoại khóa, workshop về kiến trúc trong chương trình học.
- Sinh viên hoàn thành 2 năm học tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội với kết quả TBHT từ 7.0 trở lên được giảm 25% học phí năm đầu tiên tại Đại học Curtin (Úc).
- Sinh viên hoàn thành 2 năm học tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội có chứng chỉ IELTS 6.0 được tham gia khóa học English Language Bridging 10 tuần hoàn toàn miễn phí tại Úc để đạt điều kiện đầu vào Đại học Curtin (IELTS 6.5).

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Chương trình Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA):
- Chương trình Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA): 860.000 VNĐ/hồ sơ.
- Chương trình Cử nhân Kiến trúc Nội thất: 860.000 VNĐ/hồ sơ.

3. 9. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Bảng 10: Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm học 2022 - 2023

TT	Ngành đào tạo	Đơn vị cấp bằng	Học phí/năm học	Ghi chú
1	Thạc sĩ Kiến trúc Pháp (DEA)	Trường Đại học Kiến trúc quốc gia Toulouse - Cộng hòa Pháp		
2	Cử nhân Kiến trúc Pháp (DEEA)	Trường Đại học Kiến trúc quốc gia Normandie - Cộng hòa Pháp	70.000.000 VNĐ	
3	Cử nhân Kiến trúc Nội thất	Đại học Curtin - Úc	82.500.000 VNĐ	

Lưu ý:

- Mức học phí trên không bao gồm phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm (nếu có);
- Học phí nộp vào đầu mỗi kỳ học theo thông báo thu của từng chương trình.

3.10. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội là: 177.495.682.742 VNĐ.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2022

CÁN BỘ KÊ KHAI

(Đã ký)

TS. Nguyễn Minh Nhất

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS.KTS. Lê Quân

Điện thoại: 0988 281 866

Email: nhatnm@hau.edu.vn